

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31-03-2021.
V/v: “Ly hôn giữa chị H và anh Q”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Xuân Tiến

Bà Đặng Thị Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trục, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trục, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trục, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 159/2020/TLST-HNGĐ ngày 21/10/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23/03/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H; Sinh năm: 1983(*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q; Sinh năm: 1978(*Có mặt*)

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/10/2020 được bổ sung tại bản tự khai ngày 07/10/2020, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Q kết hôn vào ngày 15/01/2001, quá trình tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Trong quá trình chung sống, do vợ chồng có quan điểm trái ngược nhau cho nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt nghiêm trọng dẫn đến ngày 18/12/2019 vợ chồng

sống ly thân cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Nguyễn Văn M, sinh ngày 08/08/2002 và Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 05/05/2008. Hiện các con chung đang ở cùng anh Q. Nay ly hôn cháu M đã đủ 18 tuổi lao động tự lập, chị đề nghị được tiếp tục nuôi cháu Vân A và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản; công nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị H vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/12/2020, bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày: Anh và chị Trần Thị H kết hôn vào năm 2001, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng sống bình thường, thỉnh thoảng có những mâu thuẫn nhỏ do chị H đi sớm về muộn không rõ ràng và những liên lạc bạn bè không rõ ràng, anh cũng không biết là chị H có ngoại tình hay không. Những năm gần đây chị H liên quan đến nợ nần kinh tế không rõ ràng nhưng anh đã tạo điều kiện cho chị H trả nợ và níu kéo giữ gìn hôn nhân. Tuy nhiên, từ ngày 18/12/2019 chị H bỏ đi đâu anh không biết, anh đã cố gắng tìm chị H nhưng không biết chị H ở đâu. Nay anh không đồng ý ly hôn vì còn nhiều vướng mắc về kinh tế riêng chưa giải quyết được.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Nguyễn Văn M, sinh ngày 08/08/2002 và Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 05/05/2008. Hiện cháu M đã trưởng thành và tự lập còn cháu Vân A đang ở cùng anh. Nếu anh và chị H ly hôn thì anh nhận nuôi cháu Vân A và không yêu cầu chị H cấp dưỡng

Về tài sản; công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh không đồng ý ly hôn. Nếu giải quyết ly hôn anh đề nghị được nuôi cháu Vân A khi ly hôn. Ngoài ra, anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu về tài sản, công nợ chung, sau đó mới giải quyết ly hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 08/12/2020 với UBND xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định: Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của Trần Thị H và anh Nguyễn Văn Q, UBND xã không nắm được do các đương sự nộp đơn tại Tòa án, địa phương không tổ chức hòa giải.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn Q. Về con chung: Giao anh Nguyễn Văn Q tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 05/05/2008. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Q không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí dân

sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn. Chị Trần Thị H quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án và anh Nguyễn Văn Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với yêu cầu giải quyết tài sản, công nợ chung của anh Q tại phiên tòa: Không giải quyết tại phiên tòa hôm nay mà anh Q có quyền khởi kiện và giải quyết bằng vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về việc kết hôn: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn Q kết hôn vào 15 tháng 01 năm 2001 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường trong quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp về tính cách bất đồng về quan điểm sống. Nay chị H xác định tình cảm không còn và mong muốn được ly hôn. Anh Q không nhất trí. Hội đồng xét xử thấy: anh chị đã có thời gian ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay. Trong suốt quá trình ly thân anh, chị không có biện pháp hiệu quả để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng đồng thời quá trình giải quyết tại Tòa án anh chị có ý thức bỏ mặc không tha thiết với cuộc sống chung. Vì vậy, hôn nhân giữa chị H và anh Q nếu có tiếp tục duy trì thì mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị H đối với anh Nguyễn Văn Q.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh chị có là 02 con chung là Nguyễn Văn M, sinh ngày 08/08/2002 và Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 05/05/2008. Hiện cháu Vân A đang ở cùng anh Q còn cháu M đã đủ 18 tuổi trưởng thành và lao động tự lập. Trên cơ sở xem xét nguyện vọng của các đương sự, ý kiến của con chung Hội đồng xét xử thấy để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung nên giao anh Nguyễn Văn Q tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 05/05/2008. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Q không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Về tài sản chung, công nợ chung: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa chị H và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay tại phiên tòa, anh Q yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng. Nội dung chứng cứ về yêu cầu này chưa được Tòa án thu thập để xử lý tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử không

xem xét đối với yêu cầu chia tài sản, công nợ chung vợ chồng của anh Q. Đối với yêu cầu này, anh Q có quyền khởi kiện và sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án và anh Nguyễn Văn Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn Q.
2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn Q tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 05/05/2008. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Q không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Trần Thị H có quyền thăm nom con chung sau ly hôn không ai được cản trở quyền này.
3. Anh Nguyễn Văn Q có quyền khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản, công nợ chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu số 0000270 ngày 21/10/2020.
5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án và anh Nguyễn Văn Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THA huyện Nam Trực;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Mạnh Cường

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THA huyện Nam Trực;
- UBND xã Nam Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Mạnh Cường

